

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn  
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG  
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG ( 2.340.000)

Tháng 02 năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 02 năm 2026)

DVT: đồng

| STT | Họ và tên            | Mã ngạch   | Hệ số lương | Hệ số phụ cấp chức vụ | Phụ cấp độc hại | Phụ cấp trách nhiệm | % Phụ cấp TNVK | Phụ cấp TNVK | % PCƯĐN | Phụ cấp Ưu đãi nghề | Cộng hệ số | Tiền lương tháng | Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC | BHXX               | BHYT                 | BHTN               | Số thực lĩnh | Ghi chú    |
|-----|----------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------|---------------------|----------------|--------------|---------|---------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------|------------|
|     |                      |            |             |                       |                 |                     |                |              |         |                     |            |                  |                                                  | Trừ vào lương (8%) | Trừ vào lương (1,5%) | Trừ vào lương (1%) |              |            |
| A   | B                    | C          | 1           | 2                     | 6               | 7                   | 8              | 9            | 10      | 11                  | 12         | 13               | 18                                               | 20                 | 22                   | 24                 | 26           | D          |
| 1   | Trần Quang Hải       | V.08.01.02 | 5,76        | 0,4                   | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 3,70                | 10,06      | 23.531.040       | 44.571                                           | 1.153.152          | 216.216              | 144.144            | 21.972.956   | P 2 ngày   |
| 2   | Nguyễn Tam Hùng      | V.08.03.07 | 4,06        |                       | 0,2             |                     | 15%            | 0,61         | 60%     | 2,80                | 7,67       | 17.948.736       | 0                                                | 874.037            | 163.882              | 109.255            | 16.801.562   |            |
| 3   | Trần Văn Bé          | V.08.03.07 | 4,06        |                       |                 |                     | 10%            | 0,41         | 40%     | 1,79                | 6,25       | 14.630.616       | 0                                                | 836.035            | 156.757              | 104.504            | 13.533.320   |            |
| 4   | Phạm Văn Khương      | V.08.01.03 | 4,65        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 1,86                | 6,51       | 15.233.400       | 0                                                | 870.480            | 163.215              | 108.810            | 14.090.895   |            |
| 5   | Nguyễn Thị Tuyết Lan | V.08.04.10 | 3,66        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 1,46                | 5,12       | 11.990.160       | 0                                                | 685.152            | 128.466              | 85.644             | 11.090.898   |            |
| 6   | Võ Văn Minh          | V.08.04.10 | 3,99        |                       | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 2,39                | 6,58       | 15.406.560       | 0                                                | 746.928            | 140.049              | 93.366             | 14.426.217   |            |
| 7   | Lâm Thị Thiệt        | V.08.05.13 | 3,96        |                       | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 2,38                | 6,54       | 15.294.240       | 44.571                                           | 741.312            | 138.996              | 92.664             | 14.276.697   | P 2 ngày   |
| 8   | Nguyễn Thị Hương     | V.05.02.08 | 3,65        |                       |                 |                     |                |              | 0%      | 0,00                | 3,65       | 8.541.000        | 0                                                | 683.280            | 128.115              | 85.410             | 7.644.195    |            |
| 9   | Huỳnh Thị Bông       | V.08.03.07 | 2,67        |                       | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 1,60                | 4,47       | 10.464.480       | 44.571                                           | 499.824            | 93.717               | 62.478             | 9.763.890    | P 2 ngày   |
| 10  | Nguyễn Thanh Hậu     | V.08.04.10 | 2,67        |                       | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 1,60                | 4,47       | 10.464.480       | 0                                                | 499.824            | 93.717               | 62.478             | 9.808.461    |            |
| 11  | Trương Viết Nhân     | V.08.01.03 | 3,00        | 0,3                   | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 1,98                | 5,48       | 12.823.200       | 89.143                                           | 617.760            | 115.830              | 77.220             | 11.923.248   | H 4 ngày   |
| 12  | Trần Thị Yến         | V.08.02.06 | 3,00        |                       | 0,4             |                     |                |              | 70%     | 2,10                | 5,50       | 12.870.000       | 0                                                | 561.600            | 105.300              | 70.200             | 12.132.900   |            |
| 13  | Trương Thị Linh Huệ  | V.08.06.16 | 3,00        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 1,20                | 4,20       | 9.828.000        | 0                                                | 561.600            | 105.300              | 70.200             | 9.090.900    |            |
| 14  | Nguyễn Thị Bích Nga  | V08.05.12  | 3,66        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 1,46                | 5,12       | 11.990.160       | 0                                                | 685.152            | 128.466              | 85.644             | 11.090.898   |            |
| 15  | Cao Văn Cảnh         | V08.05.13  | 3,03        |                       | 0,2             |                     |                |              | 60%     | 1,82                | 5,05       | 11.812.320       | 78.000                                           | 567.216            | 106.353              | 70.902             | 10.989.849   | P 3,5 ngày |
| 16  | Hứa Thị Thanh        | V.08.02.06 | 2,67        |                       | 0,4             |                     |                |              | 70%     | 1,87                | 4,94       | 11.557.260       | 0                                                | 499.824            | 93.717               | 62.478             | 10.901.241   |            |
| 17  | Nguyễn Thị Út Linh   | V.08.05.12 | 3,33        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 1,33                | 4,66       | 10.909.080       | 0                                                | 623.376            | 116.883              | 77.922             | 10.090.899   |            |
| 18  | Trần Thị Ánh Tuyết   | V08.05.12  | 2,34        |                       |                 |                     |                |              | 40%     | 0,94                | 3,28       | 7.665.840        | 0                                                | 438.048            | 82.134               | 54.756             | 7.090.902    |            |

|    |                  |            |              |            |            |          |  |             |     |              |               |                    |                |                   |                  |                  |                    |  |
|----|------------------|------------|--------------|------------|------------|----------|--|-------------|-----|--------------|---------------|--------------------|----------------|-------------------|------------------|------------------|--------------------|--|
| 19 | Nguyễn Thị Hồng  | V.08.05.12 | 2,34         |            |            |          |  |             | 40% | 0,94         | 3,28          | 7.665.840          | 0              | 438.048           | 82.134           | 54.756           | 7.090.902          |  |
| 20 | Nguyễn Văn Thi   | V.08.04.10 | 2,34         |            |            |          |  |             | 40% | 0,94         | 3,28          | 7.665.840          | 0              | 438.048           | 82.134           | 54.756           | 7.090.902          |  |
| 21 | Trần Thị Hồng Nữ | V.08.03.07 | 2,86         |            |            |          |  |             | 40% | 1,14         | 4,00          | 9.369.360          | 0              | 535.392           | 100.386          | 66.924           | 8.666.658          |  |
|    | <b>Tổng cộng</b> |            | <b>70,70</b> | <b>0,7</b> | <b>2,4</b> | <b>0</b> |  | <b>1,02</b> |     | <b>35,30</b> | <b>110,11</b> | <b>257.661.612</b> | <b>300.856</b> | <b>13.556.088</b> | <b>2.541.767</b> | <b>1.694.511</b> | <b>239.568.390</b> |  |

*Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng chẵn.*